

B. Sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.

C. Không cần phải chú ý đến thông số kĩ thuật.

D. Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.

Câu 11. Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

A. Giáo dục.

B. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học và công nghệ.

C. Màu sắc.

D. Phong cách.

Câu 12. Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

A. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên.

B. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông.

C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội.

D. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha.

Câu 13. Đồ dùng điện trong gia đình là:

A. Phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

B. Các sản phẩm công nghệ.

C. Các sản phẩm công nghệ hoạt động bằng năng lượng điện phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

D. Hoạt động bằng năng lượng điện.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây mô tả phong cách cổ điển?

A. Trang phục có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng.

B. Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự.

C. Trang phục có thiết kế đơn giản, đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn, thoải mái khi vận động.

D. Trang phục thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại qua các đường cong, đường uốn lượn.

Câu 15. Nón quai thao thường được sử dụng trong phong cách thời trang nào?

A. Phong cách lãng mạn

B. Phong cách cổ điển

C. Phong cách dân gian

D. Phong cách thể thao

Câu 16. Bảo quản trang phục gồm những công việc:

A. Giặt, là.

B. Giặt, phơi.

C. Giặt, cất giữ.

D. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ.

Câu 17. Phát biểu nào đúng về khái niệm thời trang?

A. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một khoảng thời gian nhất định.

B. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng.

C. Là sự thay đổi các kiểu quần áo, cách ăn mặc được số đông ưa chuộng trong mỗi thời kỳ.

D. Là cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mỹ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng, độc đáo của mọi người.

Câu 18. Để phân loại thành trang phục nam, trang phục nữ dựa theo cách phân loại trang phục nào ?

A. Theo thời tiết

B. Theo lứa tuổi

C. Theo giới tính

D. Theo công dụng

Câu 19. Loại vải nào sau đây nên chọn để may áo quần đi lao động?

- A. Vải sợi tổng hợp, màu sẫm, kiểu may cầu kì.
- B. Vải sợi tổng hợp, màu sáng, kiểu may cầu kì.
- C. Vải sợi bông, màu sẫm, kiểu may đơn giản, rộng.
- D. Vải sợi bông, màu sáng, kiểu may sát người.

Câu 20. Khi đi học thể dục, em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

- A. Vải sợi bông, may rộng, dép lê.
- B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền.
- C. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta
- D. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót.

Câu 21. Loại vải nào có khả năng giữ nhiệt tốt?

- A. Vải sợi bông
- B. Vải tơ tằm
- C. Vải sợi visco
- D. Vải sợi len

Câu 22. Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo là:

- A. Màu đen, màu trắng
- B. Màu trắng, màu vàng
- C. Màu đen, màu tím
- D. Màu đỏ, màu xanh

Câu 23. "Độ hút ẩm thấp nên mặc bí vì ít thấm mồ hôi. Tuy nhiên nó bền, đẹp, mau khô và không bị nhàu" là tính chất của loại vải nào?

- A. Vải sợi pha
- B. Vải sợi nhân tạo
- C. Vải sợi tổng hợp
- D. Vải sợi thiên nhiên

Câu 24. Để đảm bảo an toàn cho đồ dùng điện, cần:

- A. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn.
- B. Cố định chắc chắn.
- C. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định.
- D. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.

Câu 25. Căn cứ để lựa chọn phong cách thời trang là gì?

- A. Căn cứ vào tính cách hoặc sở thích người mặc
- B. Căn cứ vào tính cách và sở thích người mặc.
- C. Căn cứ vào tính cách người mặc.
- D. Căn cứ vào sở thích người mặc.

Câu 26. Vật nào dưới đây không phải là trang phục?

- A. Mũ
- B. Xe đạp
- C. Khăn quàng
- D. Thắt lưng

Câu 27. Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kiểu dáng đẹp, trang trọng
- B. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái
- C. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng
- D. Kiểu dáng ôm sát cơ thể

Câu 28. Trong ngày hè, người ta thường chọn mặc vải tơ tằm vì:

- A. Vải mỏng, giữ ấm.
- B. Vải dày, hút ẩm thấp.
- C. Vải có độ hút ẩm cao, thoáng mát.
- D. Vải có độ hút ẩm thấp.

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Em hãy kể tên 5 đồ dùng điện có trong gia đình em. Cho biết các thông số kĩ thuật có trên đồ dùng đó ?

Câu 2 (2đ): Em hãy nêu nội dung của bước làm phẳng và cất giữ quần áo?

----- HẾT -----

Mã đề: 601

I. Trắc nghiệm: (7 điểm) Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	A	A	A	C	B	C	C	C	D	B	C	C	B
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	D	A	C	C	C	D	A	C	A	B	B	B	C

II. Tự luận: (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Học sinh kể được 5 đồ dùng điện trong gia đình và nêu được các số liệu kỹ thuật trên đồ dùng điện. VD: Tivi (220V- 80W), nồi cơm điện (220V- 1500W),.....

Câu 2 (2đ): Nội dung của bước làm phẳng, cất giữ quần áo:

- Làm phẳng: (1đ) Có nhiều phương pháp, phổ biến là dùng bàn là.
- Các dụng cụ cần thiết khi là: Bàn là, cầu là, bình phun nước
- Một số lưu ý khi là: Điều chỉnh nhiệt độ phù hợp với từng loại vải. Là theo chiều dọc vải. Cần phun nước làm ẩm đối với một số loại vải. Không để bàn là ở lâu một chỗ khi là.
- Một số lưu ý sau khi là: Rút phích cắm điện. Dụng cụ bàn là chờ nguội. Cất vào nơi quy định.
- Cất giữ: (1đ) Cất giữ nơi khô ráo, sạch sẽ.
- Với quần áo thường xuyên sử dụng: Treo bằng mắc, gấp gọn gàng vào ngăn tủ.
- Với quần áo chưa dùng đến: gói trong tủ tránh ẩm, mốc.

BGH kí duyệt

TTCM

NT/GV ra đề

Ngô Thị Bích Liên

Phạm Thị Hải Yến

Dương Thị Tươi

Mã đề: 602

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Loại vải nào sau đây nên chọn để may áo quần đi lao động?

- A. Vải sợi bông, màu sẫm, kiểu may đơn giản, rộng.
- B. Vải sợi bông, màu sáng, kiểu may sát người.
- C. Vải sợi tổng hợp, màu sẫm, kiểu may cầu kì.
- D. Vải sợi tổng hợp, màu sáng, kiểu may cầu kì.

Câu 2. Phát biểu nào đúng về khái niệm thời trang?

- A. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một khoảng thời gian nhất định.
- B. Là cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mỹ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng, độc đáo của mọi người.
- C. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng.
- D. Là sự thay đổi các kiểu quần áo, cách ăn mặc được số đông ưa chuộng trong mỗi thời kỳ.

Câu 3. Tai nạn điện giật sẽ không xảy ra nếu chúng ta thực hiện hành động nào dưới đây?

- A. Chạm tay vào nguồn điện.
- B. Tránh xa khu vực có dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.
- C. Cầm, nắm vào vị trí dây dẫn điện bị hỏng lớp vỏ cách điện.
- D. Chạm vào đồ dùng điện bị rò điện ra lớp vỏ bên ngoài.

Câu 4. Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

- A. Phong cách.
- B. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học và công nghệ.
- C. Giáo dục.
- D. Màu sắc.

Câu 5. Đơn vị của công suất định mức ký hiệu là:

- A. W B. KV C. V D. A

Câu 6. Trang phục đi học có đặc điểm nào sau đây?

- A. Thường bằng vải cứng B. Nhiều họa tiết, bó sát cơ thể.
- C. Kiểu dáng đơn giản, dễ vận động D. May từ vải không thấm hút mồ hôi

Câu 7. Đồ dùng điện trong gia đình là:

- A. Các sản phẩm công nghệ hoạt động bằng năng lượng điện phục vụ sinh hoạt trong gia đình.
- B. Các sản phẩm công nghệ.
- C. Phục vụ sinh hoạt trong gia đình.
- D. Hoạt động bằng năng lượng điện.

Câu 8. Đơn vị của điện áp định mức ký hiệu là:

- A. A B. V C. KV D. W

Câu 9. Để tạo cảm giác gây đi và cao lên, ta nên chọn vải may trang phục có những đặc điểm nào?

- A. Màu vàng nhạt, hoa nhỏ, mặt vải thô.

B. Màu xanh đen, kẻ sọc ngang, mặt vải phẳng.

C. Màu đen, kẻ sọc dọc, mặt vải trơn.

D. Màu trắng, hoa to, mặt vải bóng láng.

Câu 10. Bảo quản trang phục gồm những công việc:

A. Giặt, là.

B. Giặt, phơi.

C. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ.

D. Giặt, cất giữ.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây mô tả phong cách cổ điển?

A. Trang phục có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng.

B. Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự.

C. Trang phục có thiết kế đơn giản, đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn, thoải mái khi vận động.

D. Trang phục thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại qua các đường cong, đường uốn lượn.

Câu 12. Nón quai thao thường được sử dụng trong phong cách thời trang nào?

A. Phong cách thể thao

B. Phong cách lãng mạn

C. Phong cách dân gian

D. Phong cách cổ điển

Câu 13. Khi đi học, em thường mặc loại trang phục nào?

A. Trang phục lễ hội.

B. Trang phục mặc thường ngày.

C. Đồng phục.

D. Trang phục dân tộc.

Câu 14. Để phân loại thành trang phục nam, trang phục nữ dựa theo cách phân loại trang phục nào?

A. Theo công dụng

B. Theo lứa tuổi

C. Theo giới tính

D. Theo thời tiết

Câu 15. Đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện là:

A. Công suất định mức.

B. Điện áp định mức.

C. Điện áp định mức và công suất định mức.

D. Điện áp hoặc công suất định mức.

Câu 16. Theo em, tại sao phải lưu ý đến các thông số kĩ thuật?

A. Không cần phải chú ý đến thông số kĩ thuật.

B. Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.

C. Để lựa chọn đồ dùng điện cho phù hợp.

D. Sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.

Câu 17. Khi đi học thể dục, em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

A. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

B. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót.

C. Vải sợi bông, may rộng, dép lê.

D. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền.

Câu 18. Người làm thiết kế thời trang làm những công việc nào?

A. Xây dựng nền nhà và làm việc tại các công trường.

B. Nghiên cứu thực đơn phù hợp với chế độ dinh dưỡng cho học sinh ở các trường học.

C. May các kiểu sản phẩm may làm việc tại cửa hàng hoặc các xí nghiệp.

D. Nấu đồ ăn ở trong các nhà hàng, khách sạn.

Câu 19. Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

A. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên.

B. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha.

C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội.

D. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông.

Câu 20. Sự thay đổi của thời trang thể hiện qua các đặc điểm nào của trang phục?

A. Kiểu dáng.

B. Chất liệu.

C. Chất liệu, kiểu dáng, màu sắc.

D. Màu sắc.

Câu 21. Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

A. Kiểu dáng ôm sát cơ thể

B. Kiểu dáng đẹp, trang trọng

C. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái

D. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng

Câu 22. Vật nào dưới đây không phải là trang phục?

A. Thất lưng

B. Xe đạp

C. Khăn quàng

D. Mũ

Câu 23. Căn cứ để lựa chọn phong cách thời trang là gì?

A. Căn cứ vào sở thích người mặc.

B. Căn cứ vào tính cách và sở thích người mặc.

C. Căn cứ vào tính cách người mặc.

D. Căn cứ vào tính cách hoặc sở thích người mặc

Câu 24. "Độ hút ẩm thấp nên mặc bí vì ít thấm mồ hôi. Tuy nhiên nó bền, đẹp, mau khô và không bị nhàu" là tính chất của loại vải nào?

A. Vải sợi pha

B. Vải sợi nhân tạo

C. Vải sợi tổng hợp

D. Vải sợi thiên nhiên

Câu 25. Loại vải nào có khả năng giữ nhiệt tốt?

A. Vải sợi visco

B. Vải tơ tằm

C. Vải sợi len

D. Vải sợi bông

Câu 26. Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo là:

A. Màu đen, màu trắng

B. Màu trắng, màu vàng

C. Màu đỏ, màu xanh

D. Màu đen, màu tím

Câu 27. Để đảm bảo an toàn cho đồ dùng điện, cần:

A. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn.

B. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.

C. Cố định chắc chắn.

D. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định.

Câu 28. Trong ngày hè, người ta thường chọn mặc vải tơ tằm vì:

A. Vải phòng, giữ ẩm.

B. Vải có độ hút ẩm thấp.

C. Vải dày, hút ẩm thấp.

D. Vải có độ hút ẩm cao, thoáng mát.

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Em hãy kể tên 5 đồ dùng điện có trong gia đình em. Cho biết các thông số kỹ thuật có trên đồ dùng đó ?

Câu 2 (2đ): Em hãy nêu nội dung của bước làm sạch, làm khô quần áo?

Mã đề: 602

I. Trắc nghiệm: (7 điểm) Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	A	B	B	A	C	A	B	C	C	B	C	C	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	B	A	C	C	C	C	B	B	C	C	A	A	D

II. Tự luận: (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Học sinh kể được 5 đồ dùng điện trong gia đình và nêu được các số liệu kỹ thuật trên đồ dùng điện. VD: Tivi (220V- 80W), nồi cơm điện (220V- 1500W),.....

Câu 2 (2đ): Nội dung của bước làm sạch, làm khô quần áo:

➤ Làm sạch:(1đ)

- Giặt ướt: Dùng nước kết hợp bột giặt, nước giặt, ... Giặt bằng tay hoặc bằng máy. Áp dụng với quần áo sử dụng hàng ngày.

- Giặt khô: Không dùng nước, dùng hóa chất. Áp dụng với quần áo làm từ len, tơ tằm, da, lông vũ, ...

➤ Làm khô: (1đ)

- Phơi: Bằng cách phơi ở nơi thoáng gió, có ánh nắng.

+Ưu điểm: tiết kiệm chi phí.

+ Hạn chế: Phụ thuộc vào thời tiết, tốn thời gian.

- Sấy: Làm khô bằng máy.

+ Ưu điểm: quần áo nhanh khô, không phụ thuộc thời tiết.

+ Hạn chế: tiêu hao điện năng.

BGH kí duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

Mã đề: 603

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây mô tả phong cách cổ điển?

- A. Trang phục có thiết kế đơn giản, đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn, thoải mái khi vận động.
- B. Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự.
- C. Trang phục thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại qua các đường cong, đường uốn lượn.
- D. Trang phục có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng.

Câu 2. Đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện là:

- A. Công suất định mức.
- B. Điện áp định mức.
- C. Điện áp hoặc công suất định mức.
- D. Điện áp định mức và công suất định mức.

Câu 3. Người làm thiết kế thời trang làm những công việc nào?

- A. Nấu đồ ăn ở trong các nhà hàng, khách sạn.
- B. Xây dựng nền nhà và làm việc tại các công trường.
- C. May các kiểu sản phẩm may làm việc tại cửa hàng hoặc các xí nghiệp.
- D. Nghiên cứu thực đơn phù hợp với chế độ dinh dưỡng cho học sinh ở các trường học.

Câu 4. Bảo quản trang phục gồm những công việc:

- A. Giặt, cất giữ.
- B. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ.
- C. Giặt, là.
- D. Giặt, phơi.

Câu 5. Đơn vị của công suất định mức ký hiệu là:

- A. KV
- B. V
- C. A
- D. W

Câu 6. Đơn vị của điện áp định mức ký hiệu là:

- A. V
- B. A
- C. KV
- D. W

Câu 7. Khi đi học, em thường mặc loại trang phục nào?

- A. Trang phục lễ hội.
- B. Trang phục dân tộc.
- C. Trang phục mặc thường ngày.
- D. Đồng phục.

Câu 8. Loại vải nào sau đây nên chọn để may áo quần đi lao động?

- A. Vải sợi bông, màu sáng, kiểu may sát người.
- B. Vải sợi tổng hợp, màu sẫm, kiểu may cầu kì.
- C. Vải sợi tổng hợp, màu sáng, kiểu may cầu kì.
- D. Vải sợi bông, màu sẫm, kiểu may đơn giản, rộng.

Câu 9. Theo em, tại sao phải lưu ý đến thông số kĩ thuật?

- A. Không cần phải chú ý đến thông số kĩ thuật.
- B. Để lựa chọn đồ dùng điện cho phù hợp.
- C. Sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.
- D. Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.

Câu 10. Đồ dùng điện trong gia đình là:

- A. Phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

B. Các sản phẩm công nghệ hoạt động bằng năng lượng điện phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

C. Các sản phẩm công nghệ.

D. Hoạt động bằng năng lượng điện.

Câu 11. Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

A. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học và công nghệ.

B. Giáo dục.

C. Màu sắc.

D. Phong cách.

Câu 12. Để phân loại thành trang phục nam, trang phục nữ dựa theo cách phân loại trang phục nào?

A. Theo thời tiết

B. Theo giới tính

C. Theo lứa tuổi

D. Theo công dụng

Câu 13. Tai nạn điện giật sẽ không xảy ra nếu chúng ta thực hiện hành động nào dưới đây?

A. Chạm tay vào nguồn điện.

B. Cầm, nắm vào vị trí dây dẫn điện bị hỏng lớp vỏ cách điện.

C. Tránh xa khu vực có dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.

D. Chạm vào đồ dùng điện bị rò điện ra lớp vỏ bên ngoài.

Câu 14. Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

A. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông.

B. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội.

C. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha.

D. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên.

Câu 15. Sự thay đổi của thời trang thể hiện qua các đặc điểm nào của trang phục?

A. Kiểu dáng.

B. Chất liệu, kiểu dáng, màu sắc.

C. Chất liệu.

D. Màu sắc.

Câu 16. Khi đi học thể dục, em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

A. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót.

B. Vải sợi bông, may rộng, dép lê.

C. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền.

D. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

Câu 17. Để tạo cảm giác gây đi và cao lên, ta nên chọn vải may trang phục có những đặc điểm nào?

A. Màu vàng nhạt, hoa nhỏ, mặt vải thô.

B. Màu xanh đen, kẻ sọc ngang, mặt vải phẳng.

C. Màu trắng, hoa to, mặt vải bóng láng.

D. Màu đen, kẻ sọc dọc, mặt vải trơn.

Câu 18. Trang phục đi học có đặc điểm nào sau đây?

A. Thường bằng vải cứng

B. Nhiều họa tiết, bó sát cơ thể.

C. Kiểu dáng đơn giản, dễ vận động

D. May từ vải không thấm hút mồ hôi

Câu 19. Phát biểu nào đúng về khái niệm thời trang?

- A. Là cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mỹ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng, độc đáo của mọi người.
- B. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một khoảng thời gian nhất định.
- C. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng.
- D. Là sự thay đổi các kiểu quần áo, cách ăn mặc được số đông ưa chuộng trong mỗi thời kỳ.

Câu 20. Nón quai thao thường được sử dụng trong phong cách thời trang nào?

- A. Phong cách cổ điển
- B. Phong cách thể thao
- C. Phong cách lãng mạn
- D. Phong cách dân gian

Câu 21. Trong ngày hè, người ta thường chọn mặc vải tơ tằm vì:

- A. Vải có độ hút ẩm cao, thoáng mát.
- B. Vải phồng, giữ ẩm.
- C. Vải có độ hút ẩm thấp.
- D. Vải dày, hút ẩm thấp.

Câu 22. Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo là:

- A. Màu trắng, màu vàng
- B. Màu đen, màu trắng
- C. Màu đen, màu tím
- D. Màu đỏ, màu xanh

Câu 23. Loại vải nào có khả năng giữ nhiệt tốt?

- A. Vải sợi bông
- B. Vải tơ tằm
- C. Vải sợi len
- D. Vải sợi visco

Câu 24. Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái
- B. Kiểu dáng ôm sát cơ thể
- C. Kiểu dáng đẹp, trang trọng
- D. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng

Câu 25. Vật nào dưới đây không phải là trang phục?

- A. Khăn quàng
- B. Mũ
- C. Thắt lưng
- D. Xe đạp

Câu 26. Để đảm bảo an toàn cho đồ dùng điện, cần:

- A. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định.
- B. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.
- C. Cố định chắc chắn.
- D. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn.

Câu 27. "Độ hút ẩm thấp nên mặc bí vì ít thấm mồ hôi. Tuy nhiên nó bền, đẹp, mau khô và không bị nhàu" là tính chất của loại vải nào?

- A. Vải sợi tổng hợp
- B. Vải sợi pha
- C. Vải sợi thiên nhiên
- D. Vải sợi nhân tạo

Câu 28. Căn cứ để lựa chọn phong cách thời trang là gì?

- A. Căn cứ vào tính cách người mặc.
- B. Căn cứ vào sở thích người mặc.
- C. Căn cứ vào tính cách và sở thích người mặc.
- D. Căn cứ vào tính cách hoặc sở thích người mặc

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Em hãy kể tên 5 đồ dùng điện có trong gia đình em. Cho biết các thông số kĩ thuật có trên đồ dùng đó ?

Câu 2 (2đ): Em hãy nêu nội dung của bước làm khô, làm phẳng quần áo?

----- HẾT -----

Mã đề: 603

I. Trắc nghiệm: (7 điểm) Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	D	C	B	D	A	D	D	D	B	A	B	C	B
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	D	D	C	B	D	A	B	C	A	D	D	A	C

II. Tự luận: (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Học sinh kể được 5 đồ dùng điện trong gia đình và nêu được các số liệu kỹ thuật trên đồ dùng điện. VD: Tivi (220V- 80W), nồi cơm điện (220V- 1500W),.....

Câu 2 (2đ): Nội dung của bước làm khô, làm phẳng quần áo:

➤ **Làm khô: (1đ)**

- Phơi: Bằng cách phơi ở nơi thoáng gió, có ánh nắng.

+Ưu điểm: tiết kiệm chi phí.

+ Hạn chế: Phụ thuộc vào thời tiết, tốn thời gian.

- Sấy: Làm khô bằng máy.

+ Ưu điểm: quần áo nhanh khô, không phụ thuộc thời tiết.

+ Hạn chế: tiêu hao điện năng.

➤ **Làm phẳng:(1đ)** Có nhiều phương pháp, phổ biến là dùng bàn là.

- Các dụng cụ cần thiết khi là: Bàn là, cầu là, bình phun nước

- Một số lưu ý khi là: Điều chỉnh nhiệt độ phù hợp với từng loại vải. Là theo chiều dọc vải. Cần phun nước làm ẩm đối với một số loại vải. Không để bàn là ở lâu một chỗ khi là.

- Một số lưu ý sau khi là: Rút phích cắm điện. Dụng cụ bàn là chờ nguội. Cất vào nơi quy định.



Ngô Thị Bích Liên

TTCM
Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

- A. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông.
- B. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên.
- C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội.
- D. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây mô tả phong cách cổ điển?

- A. Trang phục thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại qua các đường cong, đường uốn lượn.
- B. Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự.
- C. Trang phục có thiết kế đơn giản, đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn, thoải mái khi vận động.
- D. Trang phục có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng.

Câu 3. Đơn vị của điện áp định mức ký hiệu là:

- A. V
- B. A
- C. W
- D. KV

Câu 4. Sự thay đổi của thời trang thể hiện qua các đặc điểm nào của trang phục?

- A. Màu sắc.
- B. Kiểu dáng.
- C. Chất liệu.
- D. Chất liệu, kiểu dáng, màu sắc.

Câu 5. Khi đi học, em thường mặc loại trang phục nào?

- A. Trang phục lễ hội.
- B. Đồng phục.
- C. Trang phục dân tộc.
- D. Trang phục mặc thường ngày.

Câu 6. Nón quai thao thường được sử dụng trong phong cách thời trang nào?

- A. Phong cách dân gian
- B. Phong cách cổ điển
- C. Phong cách lãng mạn
- D. Phong cách thể thao

Câu 7. Bảo quản trang phục gồm những công việc:

- A. Giặt, phơi.
- B. Giặt, cất giữ.
- C. Giặt, là.
- D. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ.

Câu 8. Loại vải nào sau đây nên chọn để may áo quần đi lao động?

- A. Vải sợi tổng hợp, màu sẫm, kiểu may cầu kì.
- B. Vải sợi bông, màu sáng, kiểu may sát người.
- C. Vải sợi tổng hợp, màu sáng, kiểu may cầu kì.
- D. Vải sợi bông, màu sẫm, kiểu may đơn giản, rộng.

Câu 9. Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

- A. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học và công nghệ.
- B. Giáo dục.
- C. Màu sắc.
- D. Phong cách.

Câu 10. Đơn vị của công suất định mức ký hiệu là:

A. A

B. V

C. W

D. KV

Câu 11. Đồ dùng điện trong gia đình là:

A. Các sản phẩm công nghệ.

B. Hoạt động bằng năng lượng điện.

C. Phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

D. Các sản phẩm công nghệ hoạt động bằng năng lượng điện phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

Câu 12. Theo em, tại sao phải lưu ý đến các thông số kỹ thuật?

A. Sử dụng đúng yêu cầu kỹ thuật.

B. Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kỹ thuật.

C. Không cần phải chú ý đến thông số kỹ thuật.

D. Để lựa chọn đồ dùng điện cho phù hợp.

Câu 13. Người làm thiết kế thời trang làm những công việc nào?

A. Nghiên cứu thực đơn phù hợp với chế độ dinh dưỡng cho học sinh ở các trường học.

B. Xây dựng nền nhà và làm việc tại các công trường.

C. May các kiểu sản phẩm may làm việc tại cửa hàng hoặc các xí nghiệp.

D. Nấu đồ ăn ở trong các nhà hàng, khách sạn.

Câu 14. Trang phục đi học có đặc điểm nào sau đây?

A. Nhiều họa tiết, bó sát cơ thể.

B. Kiểu dáng đơn giản, dễ vận động

C. Thường bằng vải cứng

D. May từ vải không thấm hút mồ hôi

Câu 15. Đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện là:

A. Công suất định mức.

B. Điện áp hoặc công suất định mức.

C. Điện áp định mức và công suất định mức.

D. Điện áp định mức.

Câu 16. Tai nạn điện giật sẽ không xảy ra nếu chúng ta thực hiện hành động nào dưới đây?

A. Chạm tay vào nguồn điện.

B. Cầm, nắm vào vị trí dây dẫn điện bị hỏng lớp vỏ cách điện.

C. Chạm vào đồ dùng điện bị rò điện ra lớp vỏ bên ngoài.

D. Tránh xa khu vực có dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.

Câu 17. Để phân loại thành trang phục nam, trang phục nữ dựa theo cách phân loại trang phục nào ?

A. Theo lứa tuổi

B. Theo giới tính

C. Theo công dụng

D. Theo thời tiết

Câu 18. Khi đi học thể dục, em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

A. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền.

C. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót.

D. Vải sợi bông, may rộng, dép lê.

Câu 19. Để tạo cảm giác gây đi và cao lên, ta nên chọn vải may trang phục có những đặc điểm nào?

A. Màu trắng, hoa to, mặt vải bóng láng.

B. Màu vàng nhạt, hoa nhỏ, mặt vải thô.

C. Màu xanh đen, kẻ sọc ngang, mặt vải phẳng.

D. Màu đen, kẻ sọc dọc, mặt vải trơn.

Câu 20. Phát biểu nào đúng về khái niệm thời trang?

- A. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một khoảng thời gian nhất định.
- B. Là cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mỹ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng, độc đáo của mọi người.
- C. Là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng.
- D. Là sự thay đổi các kiểu quần áo, cách ăn mặc được số đông ưa chuộng trong mỗi thời kỳ.

Câu 21. Căn cứ để lựa chọn phong cách thời trang là gì?

- A. Căn cứ vào tính cách người mặc.
- B. Căn cứ vào tính cách và sở thích người mặc.
- C. Căn cứ vào sở thích người mặc.
- D. Căn cứ vào tính cách hoặc sở thích người mặc

Câu 22. Vật nào dưới đây không phải là trang phục?

- A. Xe đạp
- B. Khăn quàng
- C. Mũ
- D. Thắt lưng

Câu 23. Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kiểu dáng ôm sát cơ thể
- B. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng
- C. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái
- D. Kiểu dáng đẹp, trang trọng

Câu 24. Để đảm bảo an toàn cho đồ dùng điện, cần:

- A. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định.
- B. Cố định chắc chắn.
- C. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.
- D. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn.

Câu 25. Loại vải nào có khả năng giữ nhiệt tốt?

- A. Vải tơ tằm
- B. Vải sợi bông
- C. Vải sợi visco
- D. Vải sợi len

Câu 26. Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo là:

- A. Màu đen, màu tím
- B. Màu đỏ, màu xanh
- C. Màu trắng, màu vàng
- D. Màu đen, màu trắng

Câu 27. "Độ hút ẩm thấp nên mặc bí vì ít thấm mồ hôi. Tuy nhiên nó bền, đẹp, mau khô và không bị nhàu" là tính chất của loại vải nào?

- A. Vải sợi thiên nhiên
- B. Vải sợi nhân tạo
- C. Vải sợi tổng hợp
- D. Vải sợi pha

Câu 28. Trong ngày hè, người ta thường chọn mặc vải tơ tằm vì:

- A. Vải có độ hút ẩm thấp.
- B. Vải phòng, giữ ẩm.
- C. Vải dày, hút ẩm thấp.
- D. Vải có độ hút ẩm cao, thoáng mát.

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Em hãy kể tên 5 đồ dùng điện có trong gia đình em. Cho biết các thông số kỹ thuật có trên đồ dùng đó ?

Câu 2 (2đ): Em hãy nêu nội dung của bước làm sạch, làm khô quần áo?

----- HẾT -----

Mã đề: 604

I. Trắc nghiệm: (7 điểm) Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	C	B	A	D	B	A	D	D	A	C	D	B	C	B
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	D	B	A	D	A	B	A	C	D	D	D	C	D

II. Tự luận: (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Học sinh kể được 5 đồ dùng điện trong gia đình và nêu được các số liệu kỹ thuật trên đồ dùng điện. VD: Tivi (220V- 80W), nồi cơm điện (220V- 1500W),.....

Câu 2 (2đ): Nội dung của bước làm sạch, làm khô quần áo:

➤ **Làm sạch:(1đ)**

- Giặt ướt: Dùng nước kết hợp bột giặt, nước giặt, ... Giặt bằng tay hoặc bằng máy. Áp dụng với quần áo sử dụng hàng ngày.
- Giặt khô: Không dùng nước, dùng hóa chất. Áp dụng với quần áo làm từ len, tơ tằm, da, lông vũ, ...

➤ **Làm khô: (1đ)**

- Phơi: Bằng cách phơi ở nơi thoáng gió, có ánh nắng.
- +Ưu điểm: tiết kiệm chi phí.
- + Hạn chế: Phụ thuộc vào thời tiết, tốn thời gian.
- Sấy: Làm khô bằng máy.
- + Ưu điểm: quần áo nhanh khô, không phụ thuộc thời tiết.
- + Hạn chế: tiêu hao điện năng.



BGH kí duyệt
Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

Mã đề: 605

I. Trắc nghiệm: (7 điểm) Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	A	C	A	A	A	D	D	C	B	A	C	C	A
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	D	A	C	A	C	C	C	A	C	C	C	A	B

II. Tự luận: (3 điểm)

Câu 1 (1đ): Học sinh kể được 5 đồ dùng điện trong gia đình và nêu được các số liệu kỹ thuật trên đồ dùng điện. VD: Tivi (220V- 80W), nồi cơm điện (220V- 1500W),.....

Câu 2 (2đ): Nội dung của bước làm phẳng, cất giữ quần áo:

➤ Làm phẳng:(1đ) Có nhiều phương pháp, phổ biến là dùng bàn là.

- Các dụng cụ cần thiết khi là: Bàn là, cầu là, bình phun nước

- Một số lưu ý khi là: Điều chỉnh nhiệt độ phù hợp với từng loại vải. Là theo chiều dọc vải. Cần phun nước làm ẩm đối với một số loại vải. Không để bàn là ở lâu một chỗ khi là.

- Một số lưu ý sau khi là: Rút phích cắm điện. Dụng cụ bàn là chờ nguội. Cất vào nơi quy định.

➤ Cất giữ: (1đ) Cất giữ nơi khô ráo, sạch sẽ.

- Với quần áo thường xuyên sử dụng: Treo bằng mắc, gấp gọn gàng vào ngăn tủ.

- Với quần áo chưa dùng đến: gói trong tủ tránh ẩm, mốc.

BGH kí duyệt
NGOC LAM
NGO THI BICH LIEN

TTCM
PHAM THI HAI YEN

NT/GV ra đề
DUONG THI TUOI